

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-11-2017.  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Trọn.

2. Bà Nguyễn Kim Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Minh H, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2017, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa Ông Ngô Minh H trình bày: Vào năm 1992, ông và Bà Trần Thị T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Nay ông yêu cầu ly hôn Bà Trần Thị T.

Về con chung, ông và bà T có 02 người con chung tên là Ngô Mỹ X- sinh năm 1993 và Ngô Hoàng Nh, sinh năm 1993, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu xem xét.

Ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/9/2017 Bà Trần Thị T trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông H về thời chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống, bà và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà và ông H đã hòa giải và hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với Ông Ngô Minh H.

Về con chung, đúng như ông H trình bày, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết.

Bà và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trần Thị T đã có đơn xin vắng mặt, không tham gia tố tụng tại phiên tòa, nên tòa án quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Ông Ngô Minh H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn là quan hệ “tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 1992, Ông Ngô Minh H và Bà Trần Thị T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của ông H và bà T đã vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông H và bà T không phải là hôn nhân hợp pháp nay xét không công nhận ông H và bà T là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản: Ông H và bà T không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[7] Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Ngô Minh H phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Ông Ngô Minh H và Bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Ông Ngô Minh H phải chịu 300.000 đồng, ông H đã dự nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006749 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Ông Ngô Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Ngọc Đồi**

